TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/DS-ST
Ngày 22 – 4 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng thi công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Hoàng Sơn.
2. Ông Võ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Quách Quang Bảo – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 22 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 470/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng thi công, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1989 (có mặt).
Địa chỉ: Khóm N, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Công ty CM.
Địa chỉ: Khóm M, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1971, chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Huỳnh Văn L trình bày: Vào ngày 20/11/2016 giữa anh và Công ty CM do ông Phạm văn H (Giám đốc) đại diện ký kết hợp đồng giao nhận khoán (v/v thi công ốp, lát gạch Ceramic – phần nhân công) thi công công trình tại nhà khách công vụ thuộc Công an tỉnh Cà Mau với giá thỏa thuận:

Ốp lát gạch khu vực nhà vệ sinh ở các tầng của hạng mục giá 80.000đ/m^2; ốp, lát gạch vị trí sảnh, hành lang các phòng, cầu thang của các tầng của hạng mục giá 70.000đ/m^2.

Sau khi ký hợp đồng thì anh đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng, cụ thể:

- Lát nền diện tích 4.536m^2 x 70.000đ/m^2 = 317.520.000đ.

- Ốp lát khu nhà vệ sinh diện tích 1.212m^2 x 80.000đ/m^2 = 96.960.000đ.

- Tráng nền khu bồn trát diện tích 78m^2 x 40.000đ/m^2 = 3.120.000đ.

Tổng cộng: 417.600.000đ.

Sau khi hoàn thành công việc thì Công ty CM đã thanh toán cho anh tổng số tiền 328.600.000đ, đối trừ phần công việc anh đã thi công, Công ty CM còn nợ số tiền 89.000.000đ. Nhiều lần anh có gặp Công ty CM để yêu cầu thanh toán khoản tiền còn lại nhưng không trả.

Nay anh yêu cầu Công ty CM có trách nhiệm thanh toán số tiền còn lại là 89.000.000đ. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Quyết định phân công thẩm phán giải quyết vụ án, thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2), sau đó Tòa án tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngừng phiên tòa và giấy triệu tập đương sự cho Công ty CM biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng Công ty CM vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc anh Huỳnh Văn L khởi kiện, nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 280 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty CM hoàn trả cho anh Huỳnh Văn L số tiền 85.880.000đ, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn kiện bị đơn số tiền 3.120.000đ; Về án phí, buộc nguyên đơn, bị đơn nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là Công ty CM đại diện theo pháp luật là ông Phạm Văn H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty CM.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng thi công nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về nội dung vụ án: Tại hợp đồng giao nhận khoán (v/v thi công ốp, lát gạch Ceramic – phần nhân công) được ký kết ngày 20/11/2016 giữa anh Huỳnh Văn L và Công ty CM do ông Phạm Văn H (chức vụ: Giám đốc), theo đó Công ty CM giao cho anh L phần nhân công, thi công hạng mục: Nhà khách công vụ thuộc Công an tỉnh Cà Mau, bao gồm ốp, lát gạch ceramic ở vị trí sảnh, hành lang, các phòng, cầu thang và khu vệ sinh từ tầng 1 đến sân thượng của hạng mục tại công trình theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt, giá thỏa thuận: Ốp lát gạch khu vực nhà vệ sinh ở các tầng của hạng mục giá 80.000đ/m^2; ốp, lát gạch vị trí sảnh, hành lang các phòng, cầu thang của các tầng của hạng mục giá 70.000đ/m^2. Hội đồng xét xử

xét thấy: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, anh L xác định đã thi công các hạng mục như hợp đồng đã ký kết, cụ thể: Lát nền diện tích 4.536m^2 x 70.000đ/m^2 = 317.520.000đ; ốp lát khu nhà vệ sinh diện tích 1.212m^2 x 80.000đ/m^2 = 96.960.000đ; Tráng nền khu bồn trát diện tích 78m^2 x 40.000đ/m^2 = 3.120.000đ, tổng cộng số tiền: 417.600.000đ. Công ty CM đã thanh toán cho anh được số tiền 328.600.000đ, đối trừ phần công việc anh đã thi công thì Công ty CM còn nợ số tiền 89.000.000đ yêu cầu Công ty CM thanh toán. Đối chiếu phần công việc anh L thi công với hợp đồng giao nhận khoán được đôi bên ký kết thì không có phần hạn mục phát sinh là tráng nền khu bồn trát diện tích 78m^2 x 40.000đ/m^2 bằng số tiền 3.120.000đ. Xét hợp đồng giao nhận khoán giữa anh L và Công ty CM là có xảy ra trên thực tế, mặc dù đôi bên chưa thanh lý hợp đồng nhưng các tài liệu tại hồ sơ thể hiện anh L có thuê nhân công để thi công các phần việc theo hợp đồng. Đối với bị đơn không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản phản hồi về việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ: 89.000.000đ. Vì vậy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 85.880.000đ. Như vậy so với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận số tiền là 3.120.000đ.

[4] Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147; Điều 207; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 275, 280 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty CM thanh toán cho anh Huỳnh Văn L số tiền: 85.880.000 đồng (Tám mươi lăm triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày anh Huỳnh Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty CM không thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn L yêu cầu Công ty CM hoàn trả số tiền: 3.120.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Công ty CM phải chịu 4.294.000đ (Chưa nộp).

+ Anh Huỳnh Văn L phải nộp 300.000đ, ngày 28/12/2018 anh đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 2.225.000đ, tại biên lai số 0001881, được đối trừ anh L được nhận lại số tiền 1.925.000đ khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các diiêù 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Thu